**HỢP ĐỒNG GIA CÔNG HÀNG MAY MẶC**

Hôm nay, vào lúc [ ], ngày [ ] tại trụ sở của Công ty [ ], các bên có tên dưới đây đã cùng nhau ký kết Hợp đồng Gia công hàng may mặc này:

**A. Công ty** [ ]

Trụ sở : [ ]

Điện thoại : [ ]

Fax : [ ]

Số tài khoản : [ ]

Mở tại : [ ]

Người đại diện : [ ]

Chức vụ : [ ]

*(sau đây gọi là “Bên A”)*

**Và**

**B. Công ty** [ ]

Trụ sở : [ ]

Điện thoại : [ ]

Fax : [ ]

Số tài khoản : [ ]

Mở tại : [ ]

Người đại diện : [ ]

Chức vụ : [ ]

*(sau đây gọi là “Bên B”)*

Trong hợp đồng này, “Một bên” được dùng để chỉ một bên của Hợp đồng là Bên A hoặc Bên B và “Các bên” được dùng để chỉ cả hai bên của Hợp đồng là Bên A và Bên B.

**I. Giới thiệu chung**

1. Xét rằng Bên A là một công ty được thành lập tại Hồng Kông chuyên kinh doanh các Sản phẩm may mặc.

2. Xét rằng Bên B là một công ty có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật về Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chuyên thực hiện các hoạt động gia công hàng may mặc xuất khẩu theo đúng các nội dung kinh doanh được liệt kê chi tiết trong Giấy phép đầu tư.

3. Xét rằng Bên A mong muốn đặt đơn hàng gia công lâu dài với Bên B để Bên B thực hiện gia công các Sản phẩm may mặc của Bên A để bán ra trên thị trường thế giới và Bên B cũng mong muốn tìm một đối tác nước ngoài giống như Bên A để nhận gia công các Sản phẩm cho phía đối tác này.

**II. CÁC THỎA THUẬN**

Căn cứ vào những điều kiện, những thỏa thuận và văn bản đã ký kết giữa hai bên cũng như các nghĩa vụ được quy định ở đây, các bên đồng ý ký kết với nhau một Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

# **Điều 1. Hàng hóa, Chất lượng, Số lượng và Giá gia công**

Bên A yêu cầu phía Bên B, và Bên B đồng ý với yêu cầu này, sẽ thực hiện công việc gia công các Sản phẩm may mặc của Bên A bao gồm các mặt hàng [ ] với chủng loại, kiểu cách và chất liệu khác nhau theo miêu tả cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng** | **Đơn vị tính** | **Mã số áp thuế** | **Số lượng** | **Đơn giá gia công (US$)** | **Tổng trị giá****(US$)** |
| 01 | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] |
| 02 | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] |
| 03 | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] | [ ] |
|  | **Total** | [ ] | [ ] | [ ] |

# **Điều 2. Các điều kiện**

Hợp đồng này sẽ có hiệu lực ràng buộc các bên từ ngày [ ] đến ngày [ ] (“Hiệu lực lần đầu”) ngoại trừ trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Phần 10 (Chấm dứt hợp đồng) hoặc Hợp đồng được kéo dài thời hạn theo quy định tại Phần 2.2 (Gia hạn Hợp đồng) dưới đây.

## 2.1. Gia hạn Hợp đồng

Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn mỗi năm một lần (Thời gian gia hạn). Trong trường hợp một bên có ý định không tiếp tục gia hạn Hợp đồng thì phải thông báo trước bằng văn bản cho bên kia ít nhất là [ ] ngày trước khi kết thúc Hiệu lực lần đầu của Hợp đồng hay trước khi kết thúc thời hạn gia hạn Hợp đồng trong trường hợp Hợp đồng đã được gia hạn.

# **Điều 3. Nhãn hiệu hàng hóa**

## 3.1. Các Sản phẩm gia công cho Bên A sẽ được mang các nhãn hiệu được Bên A cung cấp vào từng thời điểm cụ thể.

## 3.2. Bên B không được quyền sử dụng bất kỳ nhãn hiệu thương mại, biểu tượng hay mẫu thiết kế Sản phẩm, thiết kế thương mại nào của Bên A vào bất cứ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

# **Điều 4. Yêu cầu chất lượng, Vật liệu và Thay đổi Quy trình gia công**

## 4.1. Yêu cầu chất lượng

Chất lượng các Sản phẩm gia công của Bên B phải phù hợp với Yêu cầu chất lượng, bao gồm các yêu cầu về kiểu cách và quy cách kỹ thuật của Sản phẩm được quy định trong Yêu cầu chất lượng của Nhà cung cấp do Bên A ban hành và thông báo cho Bên B vào từng thời điểm.

## 4.2. Vật liệu

Để đảm bảo quá trình gia công Sản phẩm được thực hiện một cách dễ dàng và thuận lợi, Bên A đồng ý cho Bên B sử dụng các vật liệu và phụ kiện mua ở thị trường Việt Nam và Châu Á, miễn là các vật liệu này và phụ kiện này phù hợp với việc gia công Sản phẩm.

## 4.3. Thay đổi Quy trình gia công

### 4.3.1. Theo yêu cầu của Bên B

Bên B không được quyền thay đổi bất cứ thành phần hay vật liệu nào của Sản phẩm hay quy trình gia công Sản phẩm mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

### 4.3.2. Theo yêu cầu của Bên A

Trong trường hợp Bên A muốn thay đổi thiết kế của một Sản phẩm bất kỳ, Bên A sẽ gởi bản Yêu cần thay đổi đến Bên B.

# **Điều 5. Kiểm tra**

## 5.1. Kiểm tra hàng được giao

Bên A có quyền tiến hành việc kiểm tra các Sản phẩm được giao theo Hợp đồng gia công này tại nơi giao hàng hay/và tại nơi đến nhằm phát hiện các lỗi bên ngoài hay lỗi/khiếm khuyết về vật liệu của Sản phẩm.

## 5.2. Kiểm tra tại xưởng

Theo Hợp đồng này, Bên B chấp nhận việc Bên A thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ tại xưởng của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn trong việc kiểm tra sự tuân thủ của Bên B với Tiêu chuẩn chất lượng, sự chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường và cũng như các quy định về xuất nhập khẩu.

# **Điều 6. Kế hoạch đặt hàng, Đơn đặt hàng và Điều chỉnh**

## 6.1. Kế hoạch đặt hàng

Hàng tháng trong suốt thời hạn hợp đồng, Bên A sẽ cung cấp cho Bên B kế hoạch đặt hàng [ ] tháng của mình, bắt đầu từ tháng mà bảng kế hoạch được cung cấp. Kế hoạch đặt hàng này sẽ nêu rõ số lượng các Sản phẩm mà Bên A dự kiến mua từ Bên B trong sáu tháng. Kế hoạch đặt hàng này không sẽ được xem là một cam kết mua hàng và không có giá trị ràng buộc với các bên.

## 6.2. Đơn mua hàng

Hàng tháng, Bên A sẽ gởi các Đơn mua hàng đến Bên B bằng văn bản hoặc bằng các phương thức liên lạc điện tử.

## 6.3. Trong vòng [ ] ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đặt hàng, Bên B phải thông báo chấp nhận Đơn đặt hàng của Bên A. Việc Bên B không tuân thủ thời hạn thông báo này có thể được Bên A xem xét và chấp nhận.

## 6.4. Điều chỉnh Đơn đặt hàng

Bên A có quyền tăng, giảm số lượng hàng hay thay đổi nội dung đặt hàng của bất kỳ Đơn đặt hàng nào.

## 6.5. Hủy bỏ Đơn đặt hàng

Bên A có quyền hủy bỏ một phần hay toàn bộ Đơn đặt hàng của mình bằng thông báo trước cho Bên B trong [ ] ngày. Trong trường hợp này, Bên A phải thanh toán lại cho Bên B toàn bộ các khoản chi phí vật liệu và chi phí cấu thành Sản phẩm thực tế liên quan đến số lượng Sản phẩm của đơn đặt hàng đó cũng như chi phí vật liệu phát sinh do Đơn đặt hàng bị hủy bỏ.

# **Điều 7. Giao hàng và Vận chuyển**

Việc giao Sản phẩm của từng Đơn đặt hàng cụ thể sẽ được thực hiện bằng đường biển hay đường hàng không và giao đến Điểm đến (là một trong những cảng chính của Mỹ, Châu Âu hay của các nước Châu Á theo điều kiện FOB) vào đúng hay trước ngày giao hàng được nêu trong Đơn đặt hàng.

Địa điểm giao hàng: một trong các cảng ở [ ] hay ở Sân Bay của [ ].

Vận đơn đường biển do Bên thứ ba cấp: Chấp nhận

Giao hàng từng phần: Chấp nhận

Ngày giao hàng: [ ]

# **Điều 8. Thanh toán và các khoản thuế**

## 8.1. Thanh toán

Trong thời hạn từ [ ] đến [ ] ngày tính từ ngày ghi trên Hóa đơn của Bên B, Bên A sẽ thực hiện thanh toán cho Bên B tiền hàng dựa trên số lượng Sản phẩm mà Bên B đã giao cho Bên A. Việc thanh toán chỉ được thực hiện khi hàng đã được giao và ngày ghi trên hoá đơn thanh toán phải là ngày trễ hơn ngày Giao hàng.

## 8.2. Các khoản thuế

Bên A sẽ thanh toán phần thuế Giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật Việt Nam đánh vào mức phí gia công hàng may mặc cho từng hóa đơn.

# **Điều 9. Bảo mật**

Các bên có nghĩa vụ phải bảo vệ các thông tin có tính bảo mật của nhau, không để cho những thông tin này được phổ biến ra bên ngoài mà không được sự đồng ý hay uỷ quyền của bên kia. Các bên cùng có nghĩa vụ sử dụng các biện pháp bảo vệ thông tin của nhau ở mức hợp lý tối thiểu.

# **Điều 10. Chấm dứt Hợp đồng**

## 10.1. Chấm dứt Hợp đồng có lý do

### 10.1.1. Trong các trường hợp sau thì một trong hai bên có thể ngưng ngay việc thực hiện hợp đồng sau khi đã thông báo bằng văn bản cho bên kia biết ý định của mình: (i) một bên có hành vi vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng mà không khắc phục trong vòng [ ] ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản về sự vi phạm đó; hoặc (ii) khi được bên kia thông báo về tình trạng thiếu nợ hay mất khả năng chi trả, mất khả năng thực hiện nghĩa vụ đến hạn hoặc phải thực hiện nghĩa vụ đối với chủ nợ hay người quản lý tài sản hay cơ quan tương tự khác được chỉ định quản lý một phần hay toàn bộ tài sản của bên đó.

### 10.1.2. Trong trường hợp Bên B vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ bảo mật của mình như đã được quy định tại Phần 9 của Hợp đồng thì Bên A, bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên B, có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

## 10.2. Chấm dứt Hợp đồng không có lý do

Sau Thời hạn ban đầu của Hợp đồng này, các bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước [ ] ngày. Tuy nhiên, trong suốt Thời hạn ban đầu thì không bên nào được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng.

# **Điều 11. Điều khoản chung**

## 11.1. Sự kiện bất khả kháng

Không bên nào sẽ được xem là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp việc thực hiện các nghĩa vụ hay các cố gắng khắc phục sự vi phạm của bên đó bị trì hoãn hay bị hạn chế bởi các lý do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, các quy định của nhà nước hay vì lý một lý do nào khác vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý của bên đó.

## 11.2. Mối quan hệ giữa các bên

Các bên vẫn giữ tư cách độc lập và riêng biệt với nhau trong suốt thời hạn Hợp đồng này. Không bên nào có quyền ràng buộc bên kia bằng cách thay mặt bên kia gánh chịu hay tạo nghĩa vụ cho bên kia cũng như đại diện hay đứng ra cam kết thay cho bên kia, dù rõ ràng hay ngầm định hay bằng bất cứ cách nào khác.

## 11.3. Tuân thủ pháp luật

Trong bất cứ trường hợp nào và vì bất cứ lý do gì mà toàn bộ hay một phần nội dung của bản Hợp đồng này bị một cơ quan tài phán có thẩm quyền tuyên bố là không có hiệu lực ràng buộc với các bên thì việc giải thích những nội dung đó sẽ được thực hiện theo hướng sao cho có thể thể hiện ý định của các bên ở mức rõ ràng nhất có thể. Các nội dung còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc với các bên.

## 11.4. Từ bỏ quyền

Tất cả các quyền và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của các bên phát sinh từ Hợp đồng này hay theo quy định của pháp luật đều mang tính tích lũy và có thể được thực hiện đơn lẻ hay đồng thời. Việc một bên không thực hiện quyền của mình theo đúng quy định của Hợp đồng không đồng nghĩa với việc bên đó từ bỏ quyền đó hay bất cứ quyền lợi nào khác trong tương lai của mình.

## 11.5. Luật điều chỉnh

Việc giải thích, thực hiện Hợp đồng hay các vấn đề liên quan đến hiệu lực của Hợp đồng sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật của Việt Nam, dựa trên cơ sở của các thỏa thuận trong Hợp đồng. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam không có quy định nào điều chỉnh về một vấn đề cụ thể trong Hợp đồng thì pháp luật Hồng Kông sẽ được tham chiếu đến.

## 11.6. Giải quyết tranh chấp

Tranh chấp phát sinh giữa hai bên sẽ được giải quyết bằng phương pháp hòa giải. Việc hòa giải phải được tiến hành ngay sau khi có yêu cầu hòa giải bằng văn bản của một bên gởi đến cho bên kia. Nếu trong vòng [ ] ngày kể từ ngày bản yêu cầu hòa giải được gởi mà hai bên vẫn không thể giải quyết được tranh chấp của mình thì một bên có thể gởi yêu cầu bằng văn bản đến bên kia đề nghị thực hiện việc giải quyết tranh cấp thông qua một cơ quan trọng tài. Bất cứ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được thực hiện bằng phương pháp trọng tài tại Việt Nam theo đúng các quy định của bản Quy tắc trọng tài của Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam.

## 11.7. Ngôn ngữ

Hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản Hợp đồng tiến Anh sẽ được xem là bản căn cứ để giải thích Hợp đồng.

**Các bên cùng xác nhận** việc thỏa thuận ký kết bản Hợp đồng này đã được thực hiện bởi những người có thẩm quyền của hai bên. Ngày ký Hợp đồng là ngày được nêu ở phần đầu của Hợp đồng. Hợp đồng được lập thành hai (2) bản gốc tiếng Anh và hai (2) bản gốc tiếng Việt. Mỗi bên sẽ giữ một bản tiếng Anh và một bản tiếng Việt để lưu trữ và thực hiện.